TAND HUYỆN L **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/DSST-HNGĐ.
Ngày:17/10/2019
"V/v tranh chấp Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THỦY – TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Bùi Thị Hiền.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Phạm Tiến Đạt; Ông Nguyễn Quang Thanh.
- Thư ký phiên tòa: Bà: Đỗ Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: Bà: Trần Ngọc Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại: Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 06 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 09 năm 2019, Quyết định hoãn phiên toà số: 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/10/2019; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Bùi Thị H, sinh năm 1985.
ĐKHKTT: thôn Đ, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt tại phiên toà).
2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1966.
ĐKHKTT: thôn Đ, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình.(Vắng mặt không có lý do).
3. Người làm chứng:
- Ông: Nguyễn Văn Th, bà Bùi Thị Kh, ông Quách Văn H (Vắng mặt).
Cùng trú tại: thôn Đ, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 06 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Bùi Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 2013 Tôi và anh Nguyễn Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn tôi có chuyển về nhà anh H tại thôn Đ, xã Y, huyện L, tỉnh Hoà Bình và chung sống hạnh phúc được 04 tháng thì mâu thuẫn gia đình bắt đầu nảy sinh. Nguyên nhân, do trong cuộc sống gia đình vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, công việc của tôi thường phải đi làm xa nhà nhưng anh H không tôn trọng tôi, tự quyết định mọi vấn đề một mình mà không bàn bạc với tôi. Mỗi lần tôi về nhà thì anh H thường xuyên chửi bới, đánh đập tôi mà không có lý do, anh H cũng không quan tâm chăm lo phát triển kinh tế gia đình. Do có nhiều mâu thuẫn vợ chồng không

thể hoà hợp được, vào năm 2018 tôi đã nộp đơn xin ly hôn nhưng được Tòa án hòa giải và tôi đã rút đơn lại để mong hàn gắn hạnh phúc gia đình. Sau khi rút đơn tôi và anh H cũng không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Mâu thuẫn gia đình lại tiếp tục diễn ra. Anh H vẫn thường xuyên chửi bới, đánh đập tôi. Khi mâu thuẫn xảy ra tôi đã nhiều lần khuyên can nhưng anh H vẫn không thay đổi. Tôi và anh H đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng tôi không còn quan tâm đến nhau nữa nên không thể hàn gắn được tình cảm. Nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc và tôi cũng không còn tình cảm với anh H nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 14/09/2013. Hiện tại cháu Th đang sống cùng Tôi. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Th và chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 18/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - anh Nguyễn Văn H trình bày:**

- Về hôn nhân: Tôi xác nhận về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như chị H trình bày. Sau khi kết hôn cô H về ở cùng tôi tại thôn Đ, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Chúng tôi chung sống hạnh phúc với nhau được 05 năm thì chị H muốn ly hôn và gửi đơn đến Tòa án. Sau khi được Tòa án hòa giải chị H đã rút đơn về và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Nhưng từ đó chị H cũng không quan tâm gì đến tôi và từ năm 2018 đến nay chị H cũng không về thăm gia đình. Do chị H đi công tác xa nhà một năm chỉ về nhà 2 đến 3 lần, nên hai vợ chồng cũng thỉnh thoảng có tranh cãi nhau. Tôi nghĩ rằng chị H ngoại tình nên không về nhà để chăm sóc gia đình và chăm sóc tôi nữa. Nay chị H tiếp tục khởi kiện yêu cầu ly hôn tôi thấy bản thân tôi không đánh đập vợ con, không vướng tệ nạn xã hội và muốn chị H cho cơ hội đoàn tụ vợ chồng, nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Tôi nhất trí với phần trình bày của chị H là vợ chồng tôi có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 14/9/2013. Hiện cháu Th đang chung sống cùng chị H. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Phương Th, chưa yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi nhất trí như ý kiến trình bày của chị H là vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham giam phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được Tòa án gửi giấy triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa nhưng đã không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị H ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn văn H.

+ Về con chung: đề nghị HĐXX căn cứ điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con là cháu Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 14/9/2013 cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi có thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con: chị H chưa yêu cầu nên không đề cập.

Về công nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập.

+ Về án phí: đề nghị áp dụng khoản 4 điều 147 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị thu mức án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Chị Bùi Thị H xin ly hôn anh Nguyễn Văn H, cả hai cùng có hộ khẩu thường trú tại: thôn Đ, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình vào năm 2013.

Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H là hoàn toàn tự nguyện, tiến bộ và hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích hậu quả pháp lý của việc ly hôn và đã tiến hành hòa giải để chị H và anh H về đoàn tụ nhưng chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn. Bản thân chị H cho rằng chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh H vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Vào năm 2018 chị đã nộp đơn xin ly hôn nhưng được Tòa án hòa giải nên đã rút đơn lại để mong hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nhưng sau khi rút đơn chị và anh H cũng không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Mâu thuẫn gia đình lại tiếp tục diễn ra. Khi mâu thuẫn xảy ra chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh H vẫn không thay đổi. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, nên không thể hàn gắn được tình cảm. Chị cho rằng cuộc sống chung không còn hạnh phúc và chị cũng không còn tình cảm với anh H nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Xét trong quá trình tố tụng và tại các lời khai anh H đều có ý kiến không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng anh không đánh đập vợ con, không vướng tệ nạn xã hội và vẫn mong muốn chị H về đoàn tụ vợ chồng nuôi dạy con chung. Nhưng chính bản thân anh H cũng thừa nhận, chị H từ năm 2015 bỏ đi và đến nay chị H không về thăm nhà, cũng không quan tâm chăm sóc anh. Mặc dù anh đã nhiều lần khuyên can để chị H về nhưng chị cũng không về, theo anh H cho rằng nguyên nhân chị H không về là do chị H đã ngoại tình và có người khác.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của những người hàng xóm sống xung quanh gia đình anh H, chi H thấy rằng: Chị H sau khi kết hôn với anh H có về chung sống cùng anh H tại thôn Đ, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa

Bình. Do điều kiện chị H công tác xa nhà nên mỗi năm chỉ về nhà 2 đến 3 lần vào các dịp lễ tết. Anh chị cũng thường xảy ra mâu thuẫn, có đánh chửi nhau nhưng chỉ là chuyện vợ chồng, chị H bỏ đi khỏang thời gian từ cuối năm 2014 đầu năm 2015 đến nay không thấy chị H về chung sống cùng anh H nữa.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử thấy rằng: Năm 2017 chị H đã làm đơn xin ly hôn anh H, trong quá trình giải quyết phân tích của các cơ quan đoàn thể có chức năng, tháng 06/2018 chị H đã rút đơn về đoàn tụ hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng trong thực tế từ đó đến nay anh H và chị H không cùng chung sống để cải thiện cuộc sống hôn nhân, không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được. Mặc dù anh H không đồng ý ly hôn nhưng xét về thực tế quá trình chung sống giữa chị H và anh H thấy rằng: cuộc sống chung giữa chị H và anh H không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa hai anh chị không có tình yêu thương chia sẻ chăm sóc nhau và các lời khai của những người làm chứng sống gần gia đình anh H, chị H, có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị H xin ly hôn anh Nguyễn văn H.

[3] Về con chung: Chị H và anh H cùng nhất trí có một con chung là cháu Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 14/9/2013. Chị H và anh H cùng có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét về điều kiện đảm bảo để nuôi con và qua quá trình xem xét xác minh thấy rằng:

Chị H là giáo viên đang công tác tại trường mầm non xã T, huyệnT, tỉnh Điện Biên có thu nhập tiền lương hàng tháng là: 7.901.405 *(Bảy triệu, chín trăm, linh một ngìn, bốn trăm linh năm)* đồng/tháng. Hiện tại cháu Nguyễn Thị Phương Th đang sinh sống, học tập ổn định cùng chị tại huyện T, tỉnh Điện Biên.

Anh H hiện tại đang sinh sống một mình tại thôn Đ, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Theo lời khai của anh H, những người làm chứng và qua xác minh tại chính quyền địa phương anh H bị liệt hai chân, đi lại phụ thuộc vào xe lăn và hiện đang hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định 136/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội là 405.000 đồng/tháng. Xét thấy nếu giao con cho anh H thì cuộc sống của anh H và cháu Th sẽ gặp nhiều khó khăn, vất vả.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cuộc sống của cháu Nguyễn Thị Phương Th ổn định và yên tâm học tập, xét thấy nên giao cháu Th cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, giáo dục. Anh H có quyền đi lại thăm, hỏi con chung, là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H, anh H cùng nhất trí không có tài sản chung và công nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết, nên HĐXX không đề cập.

[5]. Về án phí: Chị Bùi Thị H nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

c ủa Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị H xin ly hôn anh Nguyễn văn H
- Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2.Về con chung:

Giao con là cháu Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 14/9/2013 cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Thị Phương Th trưởng thành hoặc có thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn H được quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị H chưa yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không đề cập.

4. Về án phí:

Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0005680 ngày 18/06/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15*(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện L;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Bùi Thị Hiền

[